

PHỤ LỤC 2 - THÔNG TIN GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÁNG 6 NĂM 2022
TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
(Kèm theo Công văn số SXD-KTVLXD, ngày 10/6/2022 của Sở Xây dựng Đắk Lắk)
1. THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn thành phố	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40 (Sông Gianh)	tấn	Sông Gianh		1.782.000	
	Ximăng PCB40	tấn			2.080.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³	Krông Ana		260.000	
	Cát tô	m ³	Krông Ana		280.000	
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc	m ³	(Mỏ đá Nam Hải, xã Cư Ebur, TP BMT)	200.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		245.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		255.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		273.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		182.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		218.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		200.000		
	Đá hộc	m ³	(Mỏ đá Cty Hồ Tài Nguyên, xã Cư Ebur, TP BMT)	200.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		209.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		218.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		270.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		182.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		0		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		182.000		
	Đá hộc	m ³	(Mỏ đá Cty TNHH XD&Đ Hoàng Nam, , mỏ đá D2 xã Hòa Phú, TP BMT)	195.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		235.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		255.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		267.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		195.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		235.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		230.000		
	Đá hộc	m ³	(Mỏ đá Cty Đường bộ Đắk Lắk, xã Hòa Phú, TP BMT)	220.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		220.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		220.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		260.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		220.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		220.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		220.000		
	Đá hộc	m ³	(Mỏ đá Cty TNHH XD Hoàng Vũ, mỏ đá D2 xã Hòa Phú, TP BMT)	230.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		250.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		280.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		180.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		200.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		190.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³				
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	Gạch Tuynel					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên				
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên		1.070		
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên		1.650		
	Gạch không nung XMCL					

	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên	Công ty TNHH Xây dựng Đại Tín/KCN Hòa Phú	1.000		
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên		1.200		
	Gạch không nung XMCL					
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên	Công ty TNHH Gạch không nung Việt Tân/KCN Hòa Phú	1.100		
	Gạch không nung XMCL					
	Gạch thẻ đặc (50x80x180)mm	viên	Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Vũ/KCN Hòa Phú	900		
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên		1.000		
	Gạch block bê tông rỗng					
	Gạch bê tông rỗng (14x19x39)cm	viên	Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Vũ/KCN Hòa Phú	6.200		
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên		4.000		
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên		7.000		
	Gạch bê tông ly tâm					
	Kiểu Tây Ban Nha: KT 25x25x5cm(16viên/m ²)					
	- Màu đỏ	m ²		155.000		
	- Màu vàng	m ²		161.000		
	Hoa văn Hướng Dương: KT 25x25x5cm(16viên/m ²)					
	- Màu đỏ	m ²		155.000		
	- Màu vàng	m ²		161.000		
	Hoa văn Đồng Tiền: KT 30x30x5cm(11viên/m ²)					
	- Màu đỏ	m ²		140.000		
	- Màu vàng	m ²		150.000		
	Gạch bê tông tự chèn hoa văn lục giác: KT 21x21x5cm (26viên/m ²)					
	- Màu đỏ	m ²		140.000		
	- Màu vàng	m ²		150.000		
	Gạch Terrazzo					
	Gạch Terrazzo 400x400x30mm màu đỏ	m ²		135.000		
	Gạch Terrazzo 400x400x30mm màu vàng	m ²		145.000		
	Gạch Terrazzo 400x400x30mm màu xám	m ²		135.000		
	Gạch Terrazzo 400x400x30mm hai màu đỏ, vàng	m ²		155.000		
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	Thép hình					
	Thép hộp đen				25.000	
	Thép hình các loại				24.186	
+	Thép cuộn					
	Ø6 CB240-T	kg			18.150	
	Ø8 CB240-T	kg			18.150	
+	Thép thanh vằn					
	Ø10 Gr40-V	kg			18.600	
	Ø16 Gr40-V	kg			18.400	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			18.400	
	Ø10 CB400-V	kg			18.800	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			18.600	
	Ø10 CB500-V	kg			18.900	
	Ø12 - 32 CB500-V	kg			18.700	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn kẽm mạ màu cán sóng vuông					
	Tôn lạnh AZ70 phủ AF - dày 0,30mm	m ²			92.727	
	Tôn lạnh AZ100 phủ AF - dày 0,35mm	m ²			105.455	
	Tôn lạnh AZ100 phủ AF - dày 0,40mm	m ²			119.091	
	Tôn lạnh AZ100 phủ AF - dày 0,45mm	m ²			132.727	
	Tôn lạnh AZ100 phủ AF - dày 0,50mm	m ²			146.364	
+	Tôn kẽm mạ màu cán sóng giả ngói Hoa Sen					

	Tôn sóng ngói AZ050-17/05 - dày 0,40mm	m ²	Cty CP tập đoàn Hoa Sen Chi nhánh Đắk Lắk		130.909	
	Tôn sóng ngói AZ050-17/05 - dày 0,45mm	m ²			145.455	
	Tôn sóng ngói AZ050-17/05 - dày 0,50mm	m ²			160.909	
	<i>Tôn lạnh la phong</i>					
	Tôn lạnh Kích thước khổ 1,1 - dày 0,20mm (Hoa Sen AZ070)	m ²	Cty CP tập đoàn Hoa Sen Chi nhánh Đắk Lắk		68.180	
	Tôn lạnh Kích thước khổ 1,1 - dày 0,22mm (Hoa Sen AZ070)	m ²			72.730	
7	NHÓM VẬT LIỆU NHỰA ĐƯỜNG					
	Nhựa đường Phuy Shell Singapore 60/70	kg	Cty TNHH TM-SX-DV Tín Thịnh		20.318	Giá từ 01/6/2022 đến khi có thông báo giá mới
	Nhựa đường 60/70 - Phuy	kg	TCT hóa dầu Petrolimex		18.937	Giá từ 01/6/2022 đến khi có thông báo giá mới
	Nhựa đường đặc nóng 60/70 - Xá	kg			17.137	
	Nhựa đường nhũ tương gốc Axit 60% (TCVN 8817:2011)	kg			16.737	
8	CARBONCOR ASPHALT					
	Carboncor Asphalt -CA 6.7	tấn	Cty CP Carbon Việt Nam		4.233.600	Trung tâm TP BMT
	Carboncor Asphalt -CA 9.5	tấn			4.233.600	
	Carboncor Asphalt -CA 19 (Bê tông nhựa rỗng Carbon)	tấn			3.434.400	
9	BÊ TÔNG				TP. BMT (Bán kính 10km)	
	Bê tông tươi (bê tông thương phẩm)		Cty TNHH XD Phú Xuân			
	Mark 100 đá 1 x 2cm	m ³			1.060.000	
	Mark 150 đá 1 x 2cm	m ³			1.110.000	
	Mark 200 đá 1 x 2cm	m ³			1.180.000	
	Mark 250 đá 1 x 2cm	m ³			1.250.000	
	Mark 300 đá 1 x 2cm	m ³			1.320.000	
	Mark 350 đá 1 x 2cm	m ³			1.390.000	
	Mark 400 đá 1 x 2cm	m ³			1.460.000	

2. THỊ XÃ BUÔN HỒ

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán khu vực trung tâm thị xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Xi măng PCB40	tấn			2.000.000	VLXD Thành Long
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³			350.000	VLXD Thành Long
	Cát tô	m ³			370.000	
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc		Mỏ đá Phục Hưng, thôn độc lập, xã Chư Kbô	255.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		273.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		282.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		364.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		245.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		309.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		273.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên			850	VLXD Thành Long, phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên			1.150	
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên			1.500	
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên			1.200	
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên			1.500	
5	GẠCH ỐP, LÁT CÁC LOẠI					
	Gạch Ceramic KT: 500x500mm	m ²			176.000	
6	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>					
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg	Cửa hàng Hoàng Sa Buôn Hồ		19.500	
	Ø8 CB240-T	kg			19.500	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			20.250	
	Ø12 - 32	kg			20.250	
7	TÁM TRẦN, TÁM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,35mm	m	Cửa hàng Hoàng Sa Buôn Hồ		105.000	
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m			128.000	
	Tôn lạnh 0,3mm	m			99.000	

Ghi chú: Giá bán tại khu vực trung tâm thị xã là giá đến hiện trường xây lắp áp dụng cho các phường trung tâm như: Phường An Bình, Phường An Lạc, phường Thiện An, Đoàn Kết, Phường Đạt Hiếu; các xã phường còn lại giá vật liệu được tính chi phí vận chuyển đến hiện trường xây lắp công trình.

3. HUYỆN CƯ' M'GAR

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					Không nhận thông tin được báo cáo
	Ximăng PCB40	tấn				
	Ximăng PCB30	tấn				
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					Không nhận thông tin được báo cáo
	Cát xây	m ³				
	Cát tô	m ³				
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc		Cty TNHH An Nguyên (Mô đá Ea M'roh)	207.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		216.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		234.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		300.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		267.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		252.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		225.000		
	Đá hộc		Cty TNHH An Nguyên (Mô đá Buôn Jong)	225.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		234.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		252.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		320.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		294.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		270.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		252.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					Không nhận thông tin được báo cáo
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên				
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên				
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>					Không nhận thông tin được báo cáo
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6	kg				
	Ø8	kg				
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10	kg				
	Ø12 - Ø32	kg				
6	TÀM TRẦN, TÀM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m				Không nhận thông tin được báo cáo
	Tôn lạnh	m				

4. HUYỆN KRÔNG BÚK

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					Không nhận thông tin được báo cáo
	Ximăng PCB40	tấn				
	Ximăng PCB30	tấn				
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					Không nhận thông tin được báo cáo
	Cát xây	m ³				
	Cát tô	m ³				
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc		Mô đá Phục Hưng, thôn độc lập, xã Chư Kbo	255.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		273.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		282.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		364.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		245.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		309.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		273.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					Không nhận thông tin được báo cáo
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên				
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên				
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>					Không nhận thông tin được báo cáo
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg				
	Ø8 CB240-T	kg				
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg				
	Ø16 Gr40-V	kg				
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg				
	Ø10 CB400-V	kg				
	Ø12 - 32 CB400-V	kg				
	Ø10 CB500-V	kg				
	Ø12 - 32 CB500-V	kg				
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m				Không nhận thông tin được báo cáo
	Tôn lạnh	m				

5. HUYỆN KRÔNG BÔNG

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.782.000	
	Ximăng SCG super PCB40 (Sông Gianh)	tấn	Sông Gianh		1.873.000	
	Ximăng PCB40	tấn	Bình quân		1.950.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³	Mỏ Giang	200.000		
	Cát tô	m ³	Son/Cty Hưng Vũ	220.000		
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc					Không có mỏ đá/Không nhận được báo cáo
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³				
	Đá dăm 2x4	m ³				
	Đá dăm 1x2	m ³				
	Đá 0,5 x 1	m ³				
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³				
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³				
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>				Không có nhà máy	
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên				
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên				
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	Thép hình				21.800	
	Thép hình(sắt hộp, ống vuông mạ kẽm)				28.700	
+	Thép cuộn					
	Ø6 CB240-T	kg	Tập đoàn Hòa Phát		21.700	
	Ø8 CB240-T	kg			21.700	
+	Thép thanh vằn					
	Ø10 Gr40-V	kg			21.900	
	Ø16 Gr40-V	kg			21.700	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			21.700	
6	TÂM TRẦN, TÂM LỘP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m			126.000	
	Tôn lạnh	m			78.000	

6. HUYỆN LẮK

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					Không nhận được thông tin báo cáo
	Ximăng PCB40	tấn				
	Ximăng PCB30	tấn				
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³	Cty CP VLXD Tây Nguyên (Buôn Mliêng)	260.000		
		m ³	Cty TNHH Phú Bình (Ea Rbin)	260.000		
		m ³	Cty TNHH Xuân Bình (Nam Kar)	260.000		
		m ³	DNTN VLXD Sông Núi (Buôn Mliêng)	260.000		
	Cát tô	m ³	Cty CP VLXD Tây Nguyên (Buôn Mliêng)	300.000		
		m ³	Cty TNHH Phú Bình (Ea Rbin)	305.000		
		m ³	Cty TNHH Xuân Bình (Nam Kar)	310.000		
		m ³	DNTN VLXD Sông Núi (Buôn Mliêng)	300.000		
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc		(Mỏ đá Buôn H'lăm, xã Đăk Nui, huyện Lắk của Công ty CP Hồ Tài Nguyên)	168.182		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		254.545		
	Đá dăm 2x4	m ³		272.727		
	Đá dăm 1x2	m ³		309.901		
	Đá 0,5 x 1	m ³		172.727		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		245.454		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		227.273		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					Không có đơn vị cung ứng
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên				
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên				
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>					Không nhận được thông tin báo cáo
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg				
	Ø8 CB240-T	kg				
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg				
	Ø16 Gr40-V	kg				
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg				
	Ø10 CB400-V	kg				
	Ø12 - 32 CB400-V	kg				
	Ø10 CB500-V	kg				
	Ø12 - 32 CB500-V	kg				

6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,35mm	m2	Cty TNHH TM Tôn Đại Lộc		117.000	
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m2			130.000	
	Tôn sóng vuông 0,45mm	m2			145.000	
	Tôn sóng ngói 0,4mm	m2			145.000	
	Tôn sóng ngói 0,45mm	m2			157.000	
	Tôn lạnh	m2			89.000	

7. HUYỆN BUÔN ĐƠN

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					Không nhận thông tin được báo cáo
	Ximăng PCB40	tấn				
	Ximăng PCB30	tấn				
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					Không nhận thông tin được báo cáo
	Cát xây	m ³				
	Cát tô	m ³				
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc		Cty TNHH Khoáng sản Tài Phát (Xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn)	207.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		233.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		273.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		295.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		193.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					Không nhận thông tin được báo cáo
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên				
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên				
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>					Không nhận được thông tin báo cáo
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg				
	Ø8 CB240-T	kg				
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg				
	Ø16 Gr40-V	kg				
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg				
	Ø10 CB400-V	kg				
	Ø12 - 32 CB400-V	kg				
	Ø10 CB500-V	kg				
	Ø12 - 32 CB500-V	kg				
6	TẦM TRẦN, TẦM LỘP					
	Tôn lạnh AZ100 0,35mm	m	Hoa Sen		108.000	
	Tôn lạnh AZ100 0,40mm	m			123.000	
	Tôn lạnh AZ100 0,45mm	m			135.000	
	Tôn lạnh AZ100 0,50mm	m			149.000	
	Tôn lạnh AZ100 0,52mm	m			155.000	
	Tôn lạnh AZ100 0,54mm	m			159.000	
	Tôn lạnh AZ100 0,60mm	m			163.000	

8. HUYỆN KRÔNG PẮC

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					Không nhận thông tin được báo cáo
	Ximăng PCB40	tấn				
	Ximăng PCB30	tấn				
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³			350.000	
	Cát tô	m ³			370.000	
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			259.000		Thông báo từ Cty Bình Hòa
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³	(Mô đá Cty Bình Hoà/Thôn 7, xã Krông Búk, huyện Krông Pắc)	290.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		310.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		330.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		270.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		259.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		250.000		
	Đá hộc			200.000		Thông báo từ Cty TNHH Hùng Anh
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³	(Mô đá Cty TNHH Hùng Anh/xã Hòa Tiến, huyện Krông Pắc)	245.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		255.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		318.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		227.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		255.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		227.000		
	Đá hộc				380.000	Trung tâm thị trấn Phước An
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³			390.000	
	Đá dăm 2x4	m ³			400.000	
	Đá dăm 1x2	m ³			400.000	
	Đá 0,5 x 1	m ³			310.000	
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³			340.000	
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³			340.000	
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên	Cty TNHH Trường Sa, thị trấn Phước An		1.100	
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên			1.200	
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên			1.450	
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên			1.350	
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên			9.500	
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên			6.500	
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên			4.000	
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>					
	Thép hộp đen	kg			25.000	
	Thép hình các loại	kg			24.186	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg				
	Ø8 CB240-T	kg				
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			19.700	
	Ø16 Gr40-V	kg			19.500	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			19.500	
6	TÂM TRẦN, TÂM LỘP					
	+ Tôn kèm mạ màu cán sóng vuông					
	Tôn sóng vuông 0,30mm	m ²			92.727	
	Tôn sóng vuông 0,35mm	m ²			105.455	

	Tôn sóng vuông 0,4mm	m ²	Cty TNHH Trường Sa, thị trấn Phước An		119.091	
	Tôn sóng vuông 0,45mm	m ²			132.727	
	Tôn sóng vuông 0,50mm	m ²			146.000	
	+ Tôn kèm mạ màu cán sóng vuông giả ngói					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m ²			132.727	
	Tôn sóng vuông 0,455mm	m ²			146.000	
7	NHỰA ĐƯỜNG					
	Nhựa đường 60/70 - Phuy	kg				Không có nhà cung cấp
	Nhựa đường đặc nóng 60/70 - Xá	kg				

9. HUYỆN EA H'LEO

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn			2.000.000	Xã Ea Ral
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³	Sông Hinh/AyunPa, Gia Lai		300.000	
	Cát tô	m ³			400.000	
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			240.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		245.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		265.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		280.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		290.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		260.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		245.000		
	Đá hộc			215.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		215.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		220.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		280.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		270.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		235.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		215.000		
			Cty TNHH XD&TM Sài Gòn (Mỏ đá Ea Sol)			
			Cty TNHH MTV Văn Chương (Mỏ đá thôn 1, xã Cư Mốt, huyện Ea Hleo)			
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên		1.200		
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên		1.400		
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên		1.900		
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên		700		
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên		1.200		
	Gạch ống (80x120x180)mm	viên		1.400		
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên		4.500		
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên		7.000		
	<i>Gạch Terrazzo</i>					
	Gạch Terrazzo 300x300x30 màu tím	m ²		115.000		
	Gạch Terrazzo 300x300x30 màu đỏ	m ²		125.000		
			Công ty TNHH Xây dựng TM&DV Tân Thành Đạt/KCN Ea Ral, Ea H'leo			
			Công ty TNHH XD TM&DV Tân Thành Đạt/KCN Ea Ral, Ea H'leo			
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				30.000	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6	kg			22.500	
	Ø8	kg			22.500	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10	kg			22.500	
	Ø16	kg			22.500	
	Ø12 - Ø32	kg			22.500	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông	m			127.000	
	Tôn lạnh	m			120.000	

10. HUYỆN CƯ KUIN

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Sông Gianh		1.782.000	
	Ximăng SCG super PCB40 (Sông Gianh)	tấn	Sông Gianh		1.873.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³	Mỏ cát cầu Giang Sơn (Km 24/QL 27)	190.000		
	Cát tô	m ³		200.000		
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc		(Mỏ đá Công ty Minh Sáng)	215.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		240.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		305.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		290.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		250.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		240.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		210.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	Gạch không nung					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				Không có
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên	Cty Trung Tuấn	1.400		
	Gạch block bê tông rỗng					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				Không có
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên	Cty Trung Tuấn	9.000		
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	Thép hình		Trung tâm huyện		23.000	
+	Thép cuộn		Trung tâm huyện			
	Ø6 CB240-T	kg			22.000	
	Ø8 CB240-T	kg			22.000	
+	Thép thanh vằn		Trung tâm huyện			
	Ø10 Gr40-V	kg			22.000	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			22.000	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỘP					
	Tôn sóng vuông 0,25mm	m	Trung tâm huyện		80.000	
	Tôn sóng vuông 0,35mm	m	Trung tâm huyện		115.000	
	Tôn lạnh 0,25mm	m	Trung tâm huyện		80.000	
	Tôn lạnh 0,35mm	m	Trung tâm huyện		110.000	

11. HUYỆN KRÔNG NĂNG

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất/cung ứng	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					Không nhận được thông tin báo cáo
	Ximăng PCB40	tấn				
	Ximăng PCB30	tấn				
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	<i>Thị trấn Krông Năng</i>					
	Cát xây	m ³			340.000	VLXD PHú Quý
	Cát tô	m ³			370.000	
	<i>Xã Ea Hồ</i>					
	Cát xây	m ³			340.000	VLXD Nam Nguyên, xã Ea Hồ
	Cát tô	m ³			360.000	
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			340.000		VLXD PHú Quý, thị trấn Krông Năng
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		350.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		350.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		380.000		
	Đá hộc			280.000		Công ty TNHH Đắc Thái Sơn, xã Ea Tam, huyện Krông Năng
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		300.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		310.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		390.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		270.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		340.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		300.000		
	Đá hộc			310.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		300.000		VLXD Nam Nguyên, xã Ea Hồ, huyện Krông Năng
	Đá dăm 2x4	m ³		310.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		390.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		350.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		320.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		315.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên		1.700		VLXD PHú Quý, thị trấn Krông Năng
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên		1.700		
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên		2.200		
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên		1.100		VLXD Nam Nguyên, xã Ea Hồ, huyện Krông Năng
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên		1.300		
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên		2.000		
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên		1.500		
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên		1.200		
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên		4.000		
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên		7.000		
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
5.1	<i>Thị trấn Krông Năng</i>					
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg			21.000	VLXD PHú Quý, thị trấn Krông Năng
	Ø8 CB240-T	kg			21.000	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			20.500	
	Ø16 Gr40-V	kg			20.500	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			20.500	
5.2	<i>Xã Ea Hồ</i>					
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg			19.500	VLXD Nam

	Ø8 CB240-T	kg			19.500	VLXD Nam Nguyên, xã Ea Hồ, huyện Krông Năng
+	Thép thanh vằn					
	Ø10 Gr40-V	kg			20.250	
	Ø16 Gr40-V	kg			20.250	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			20.250	
6	GẠCH ỐP, LÁT					
6.1	Thị trấn Krông Năng					
	Gạch lát nền Ceramic lát KT 600x600	m2			130.000	VLXD PHú Quý, thị trấn Krông Năng
	Gạch lát nền Ceramic lát KT 500x500	m2			110.000	
	Gạch lát nền Ceramic lát KT 400x400	m2			90.000	
	Gạch ốp tường Ceramic lát KT 250x400	m2			100.000	
	Gạch ốp tường Ceramic lát KT 300x450	m2			115.000	
	Gạch ốp tường Ceramic lát KT 300x600	m2			140.000	
	Gạch lát nền nhám Ceramic lát KT 300x300	m2			130.000	
	Gạch lát nền nhám Ceramic lát KT 250x250	m2			110.000	
6.2	Xã Ea Hồ					
	Gạch lát nền Ceramic lát KT 600x600 (HBM 0641)	m2			195.000	VLXD Nam Nguyên, xã Ea Hồ, huyện Krông Năng
	Gạch ốp tường Ceramic lát KT 300x600 (NH 3692)	m2			194.500	
	Gạch lát nền Ceramic lát KT 600x600 (NH 6681)	m2			195.000	
	Gạch lát nền Ceramic lát KT 300x300 (NH GA-401)	m2			125.000	
	Gạch lát nền Ceramic lát KT 400x400 (NH F-5007)	m2			165.000	
7	SON, BỘT BÀ					
	Sơn nội thất MYKOLOR	lít			145.000	VLXD Nam Nguyên, xã Ea Hồ, huyện Krông Năng
	Sơn ngoại thất MYKOLOR	lít			155.000	
	Bột bà MYKOLOR nội	kg			6.500	
	Bột bà MYKOLOR ngoại	kg			8.700	
	Bột bà Max Coat nội	kg			3.200	
	Bột bà Max Coat ngoại	kg			4.000	
8	THIẾT BỊ VỆ SINH					
8.1	Thị trấn Krông Năng					
	Chậu rửa mặt (Viglacera)	Bộ			1.300.000	VLXD PHú Quý, thị trấn Krông Năng
	Tiểu Nam (mini)	Bộ			450.000	
	Tiểu Nam (lớn)	Bộ			800.000	
	Xí xôm	Cái			250.000	
	Xí bệt liền khối (Viglacera)	Bộ			2.000.000	
	Xí bệt liền khối (Đocera)	Bộ			1.200.000	
8.2	Xã Ea Hồ					
	Xí xôm	Cái			550.000	VLXD Nam Nguyên, xã Ea Hồ, huyện Krông Năng
	Xí bệt liền khối SUMMER 5008	Bộ			2.300.000	
	Xí bệt liền khối AQUA 312 VN	Bộ			2.200.000	
	Xí bệt liền khối POLORA 2094	Bộ			2.500.000	
	Xí bệt 2 khối VI77 (Viglacera)	Bộ			2.000.000	
	Xí bệt liền khối (Viglacera V73S)	Bộ			3.000.000	
9	TẤM TRẦN, TẤM LỘP					
	Tôn sóng vuông 0,45mm	m ²			145.000	VLXD Nam Nguyên, xã Ea Hồ, huyện Krông Năng
	Tôn lạnh	m ²			90.000	
	Tấm nhựa hoa văn 600x600	m ²			180.000	
	Tấm thạch cao 3D khổ 600x600	m ²			210.000	

12. HUYỆN M'DRĂK

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Xi măng PCB40	tấn			1.820.000	Cty TNHH Dương Trường Đạt
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³	Hoàng Hải Nam (Ea Kar)	350.000		
	Cát tô	m ³		400.000		
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc		Cty TNHH Bình Hòa (Mỏ đá xã Ea M'Doal, huyện M'Drăk)	259.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		290.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		310.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		330.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		270.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		259.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		250.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên	CTY VLXD 20	1.000		
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên		1.000		
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên		1.500		
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên	Công ty TNHH TM SX Đại An Trung	1.350		
	Gạch ống 02 lỗ (40x80x180)mm	viên		1.000		
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên		6.000		
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên		10.000		
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>				25.000	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg	Cửa hàng Hoàng Sa		21.212	
	Ø8 CB240-T	kg			21.214	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg			21.132	
	Ø12 - 32 CB400-V	kg			21.100	
6	TÁM TRẦN, TÁM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m			110.000	
	Tôn lạnh	m			85.000	

13. HUYỆN KRÔNG ANA

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					Không nhận được thông tin báo cáo
	Ximăng PCB40	tấn				
	Ximăng PCB30	tấn				
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³			225.000	
	Cát tô	m ³			237.500	
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			195.000		Giá tại mỏ đá D2 xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		235.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		255.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		267.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		195.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		235.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		230.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên	Xã Ea Bông, huyện Krông Ana	850		
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên		1.100		
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên		1.650		
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				Không nhận được thông tin báo cáo
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên				
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình</i>					Không nhận được thông tin báo cáo
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	kg				
	Ø8 CB240-T	kg				
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10 Gr40-V	kg				
	Ø16 Gr40-V	kg				
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg				
	Ø10 CB400-V	kg				
	Ø12 - 32 CB400-V	kg				
	Ø10 CB500-V	kg				
	Ø12 - 32 CB500-V	kg				
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,35mm	m2			107.273	
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m2			120.909	
	Tôn sóng vuông 0,45mm	m2			134.545	
	Tôn lạnh 0,22mm	m2			76.364	
	Tôn lạnh 0,25mm	m2			83.636	

14. HUYỆN EA SÚP

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn				
	Ximăng PCB30	tấn				
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					Không nhận được thông tin báo cáo
	Cát xây	m ³				
	Cát tô	m ³				
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			209.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³	Giá thông báo tại mỏ đá Công ty Thuận An. Địa chỉ: Thôn 2, xã Ia Rvê, huyện Ea Súp	236.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		245.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		255.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		223.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		245.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		236.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 50mm	m ³				
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	Gạch tuynel					Không nhận được thông tin báo cáo
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên				
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	Gạch không nung					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	Gạch block bê tông rỗng					Không nhận được thông tin báo cáo
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên				
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	Thép hình					Không nhận được thông tin báo cáo
+	Thép cuộn					
	Ø6 CB240-T	kg				
	Ø8 CB240-T	kg				
+	Thép thanh vằn					
	Ø10 Gr40-V	kg				
	Ø16 Gr40-V	kg				
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg				
	Ø10 CB400-V	kg				
	Ø12 - 32 CB400-V	kg				
	Ø10 CB500-V	kg				
	Ø12 - 32 CB500-V	kg				
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m				Không nhận được thông tin báo cáo
	Tôn lạnh	m				

15. HUYỆN EA KAR

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn	Cty Đức Tiến	1.636.000	1.700.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³	Cty TNHH khai thác cát Đoàn Kết, xã Ea Ô	225.000	330.000	
	Cát tô	m ³		235.000	340.000	
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc		Mỏ đá Hợp Thành	220.000	270.000	
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		250.000	300.000	
	Đá dăm 2x4	m ³		260.000	310.000	
	Đá dăm 1x2	m ³		290.000	340.000	
	Đá 0,5 x 1	m ³		235.000	280.000	
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		250.000	300.000	
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		210.000	260.000	
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên	Cty Trường Phước	900	1.000	
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên	Cty Đức Tân	750	850	
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên	Cty Đức Tân	1.200	1.400	
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên		1.200	1.400	
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên		700	800	
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên		4.400	6.000	
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên		8.800	11.000	
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI					
+	<i>Thép hình, thép tấm</i>	kg	Cty Tôn Đại Lộc		20.500	
	Thép V25-V65	kg	Cty Tôn Đại Lộc		20.500	
	Thép hộp Hoa Sen	kg	Cty Tôn Đại Lộc		27.000	
+	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6	kg	Cty Tôn Đại Lộc		19.000	
	Ø8	kg	Cty Tôn Đại Lộc		19.000	
+	<i>Thép thanh vằn</i>					
	Ø10	kg	Cty Tôn Đại Lộc		18.550	
	Ø12 - Ø32	kg	Cty Tôn Đại Lộc		18.550	
6	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,35mm	m	Cty Hiệp Hưng		95.000	
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m	Cty Hiệp Hưng		105.000	
	Tôn lạnh 0,3mm	m	nt		78.000	
7	VẬT LIỆU KHÁC	m2				
	Ống nhựa PVC d=42mm	m	Vật liệu Tiên Hương, nhựa Bình Minh		18.700	
	Ống nhựa PVC d=21mm BM	m			6.200	
	Ống nhựa PVC d=27mm BM	m			11.200	
	Ống nhựa PVC d=34mm BM	m			15.000	
	Ống nhựa PVC d=60mm BM	m			26.200	
	Ống nhựa PVC d=90mm BM	m			52.500	
	Ống nhựa PVC d=114mm BM	m			72.500	
8	GẠCH ỐP, LÁT					
	Gạch Granit KT 60x60	m2	Công ty Viglacera		195.000	
	Gạch Ceramic lát KT 30x30	m2	Công ty Viglacera		115.000	
	Gạch Ceramic lát KT 40x40	m2	Công ty Trung Nguyên		90.000	
	Gạch Ceramic lát KT 50x50	m2			105.000	
	Gạch Ceramic lát KT 60x60	m2	Công ty Nice		125.000	
	Gạch ốp Ceramic KT 30x60	m2	Công ty Nice		145.000	
	Gạch ốp Ceramic KT 30x45	m2	Công ty Nice		95.000	

9	SƠN, BỘT BẢ					
	Sơn nước trong Infor	lít	Công ty Infor		55.000	
	Sơn nước trong Dulux	lít	Công ty Dulux		85.000	
	Sơn nước trong Nesan	lít	Cty Tài Phát		78.000	
	Sơn nước ngoài Infor	lít	Công ty Infor		85.000	
	Sơn nước ngoài Dulux	lít	Công ty Dulux		110.000	
	Sơn nước ngoài Nesan	lít	Cty Tài Phát		112.000	
	Bột trét trong Infor	kg	Công ty Infor		5.000	
	Bột trét trong Dulux	kg	Công ty Dulux		9.000	
	Bột trét trong Nesan	kg	Cty Tài Phát		5.000	
	Bộ trét ngoài Infor	kg	Công ty Infor		7.000	
	Bột trét ngoài Dulux	kg	Công ty Dulux		11.000	
	Bột trét ngoài Nesan	kg	Cty Tài Phát		6.700	
	Sơn lót nội thất Infor	lít	Công ty Infor		60.000	
	Sơn lót nội thất Dulux	lít	Công ty Dulux		83.000	
	Sơn lót ngoại thất Infor	lít	Công ty Infor		90.000	
	Sơn lót ngoại thất Dulux	lít	Công ty Dulux		135.000	
	Sơn lót ngoại thất Nesan	lít	Cty Tài Phát		131.000	
	Flinkote chống thấm	lít			90.000	
10	GẠCH TERAZZO					
	Gạch terazzo KT 40x40x3	m2	Công ty Hoàng Thụ	95.000	105.000	
11	NGÓI					
	Ngói 22 viên/m2	viên	Công ty Hoàng Thụ	6.000	6.500	
	Ngói 10 viên/m2	viên	Công ty Hoàng Thụ	12.000	13.000	
12	THIẾT BỊ VỆ SINH					
	Vòi rửa	Bộ	Forrie		150.000	
	Sen tắm lạnh	Bộ	Rossi		450.000	
	Sen tắm nóng lạnh	Bộ	Rossi		1.200.000	
	Chậu Lavabo	Bộ	Viglacera		320.000	
	Xí bệt rời (2 khối)	Bộ	Viglacera		1.300.000	
	Xí bệt liền khối	Bộ	Viglacera		2.100.000	
	Xí xôm	Cái	Viglacera		200.000	
	Tiểu nam	Cái	Viglacera		450.000	
	Tiểu nữ	Cái	Viglacera		450.000	
	Vòi xịt	Cái	American		150.000	
	Gương soi	Cái	Ceasar		100.000	
	Lọc rác inox 2020	Cái	Ceasar		100.000	
	Cầu chắn rác trên Sê nô	Cái	Ceasar		120.000	
13	NHÓM VẬT LIỆU ĐIỆN					
	Các loại dây điện					
	Dây điện bọc nhựa PVC (VCm-300/500V) - TCVN 6610:3 (ruột đồng)					
	+ Quy cách VCM-0,5	m			2.350	
	+ Quy cách VCM-0,75	m			3.260	
	+ Quy cách VCM-1,0	m			4.190	
	Dây 2x1,5 Cadisun	m			4.700	
	Dây điện 2x2,5 Cadisun	m			7.700	
	Dây điện 1x4	m			11.000	
	Dây điện lõi đồng 1x10	m			30.000	
	Bóng tuýp 1,2m+ máng	Bộ			120.000	
	Bóng lớp trang trí	Cái			180.000	
	Quạt trần	Cái			480.000	
	Quạt treo tường	Cái			350.000	
14	BỒN NƯỚC INOX					
	Bồn 1 m3 (Năm)	Cái	Tân Á Đại Thành		3.100.000	
	Bồn 2 m3 (Năm)	Cái	Tân Á Đại Thành		6.000.000	
	Bồn 1,5 m3 (Năm)	Cái	Tân Á Đại Thành		4.500.000	